

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2019/HS-ST
Ngày 22-11-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Thượng**;

Bà **Nguyễn Thị Bích Hiệp**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Văn Cương**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Trần Minh Đức** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 112/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1994 tại tỉnh Tây Ninh; nơi ĐKKHKT: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T; tiền án: Không có; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19/QĐ-XPHC ngày 18/01/2018, của Trưởng Công an xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chưa nộp phạt. Tại Quyết định số 106/QĐ-XPHC ngày 14/3/2018, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2019 đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **Phạm Phước B**, sinh năm 1991 tại tỉnh Tây Ninh; nơi ĐKKHKT: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Tô Thị L; có vợ là Phạm Thị Ngọc A (là bị cáo

trong vụ án) và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2019 đến nay (có mặt).

3. Họ và tên: **Phạm Thị Ngọc A**, sinh năm 1993 tại tỉnh Tây Ninh; nơi ĐKKHKT: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Phạm Phước B (là bị cáo trong vụ án) và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị tạm giữ từ ngày 12/6/2019 đến ngày 18/6/2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1- Anh **Trương Tuấn A**, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2- Anh **Cao Nguyên B**, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh T, Phạm Phước B và Phạm Thị Ngọc A cấu kết thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/6/2019, anh Tuấn A rủ anh B mua ma túy để sử dụng thì anh B đồng ý và điện thoại cho B nhưng Ngọc A nghe máy hỏi mua 01 bịch ma túy giá 300.000 đồng. Ngọc A nói cho B biết và đồng ý bán ma túy cho B tại nhà. Như đã hẹn, Ngọc A bán 01 bịch ma túy cho anh B và anh Tuấn A thì bị bắt quả tang cùng tang vật lúc 14 giờ 40 phút cùng ngày. Sau đó, T và B đến Công an đầu thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần trên địa bàn huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài lần phạm tội trên, B và T cùng hùn tiền 04 lần mua chất ma túy của người tên P, khoảng 26 tuổi (không rõ nhân thân) tại khu vực Ngã tư Cây Cày, mỗi lần 2.000.000 đồng (trong đó, 03 lần đầu do T trả tiền; lần thứ 4, B hùn 1.000.000 đồng) về phân chia thành nhiều bịch nhỏ bán lại cho nhiều người kiếm lời, để tiếp tục mua ma túy cùng nhau sử dụng. Ngoài ra, B còn khai nhiều lần lấy ma túy của S để bán nhiều lần cho nhiều người và được S cho ma túy sử dụng. Cụ thể:

Phạm Phước B bán ma túy gồm:

- Lần 1: Khoảng 12 giờ, một ngày trong tháng 6/2019, tại khu vực cổng chào Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, B bán 01 bịch ma túy cho anh B với số tiền là 300.000 đồng.

- Lần 2: Khoảng 12 giờ ngày 11/6/2019, tại khu vực cổng chào Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, B bán 01 bạch ma túy cho anh B với số tiền 300.000 đồng.

Nguyễn Thanh T bán ma túy gồm:

- Lần 1: Một ngày trong tháng 5/2019, tại Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, T đã 02 lần bán ma túy cho anh Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1993, ngụ Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với số tiền mỗi lần là 200.000 đồng.

- Lần 2: Một ngày trong tháng 5/2019, tại Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, T đã 01 lần bán ma túy cho anh Phạm Văn T, sinh năm 1990, ngụ Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với giá tiền là 150.000 đồng.

- Lần 3: Một ngày trong tháng 5/2019, tại khu vực ấp Tân Tiến, xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, T đã 02 lần bán ma túy cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2000, ngụ Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với giá tiền mỗi lần là 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

- Lần 4: Một ngày trong tháng 5/2019, tại khu vực Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, T đã 02 lần bán ma túy cho anh Võ Minh S, sinh năm 1998, ngụ Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với giá tiền mỗi lần là 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

- Lần 5: Khoảng 15 giờ ngày 20/5/2019, tại khu vực Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, T đã bán cho anh B 01 bạch ma túy với giá tiền là 300.000 đồng.

- Lần 6: Ngày 05/6/2019 và ngày 08/6/2019, tại khu vực Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, T 02 lần bán ma túy cho bị cáo B với giá tiền mỗi lần là 200.000 đồng.

Số lần B cùng T bán ma túy gồm:

- Lần 1: Khoảng 15 giờ ngày 31/5/2019, tại Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, T đã đưa cho B 01 bạch ma túy bán cho anh B với giá tiền là 200.000 đồng.

- Lần 2: Khoảng 15 giờ, một ngày trong tháng 5/2019, tại Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, T đưa cho B 01 bạch ma túy bán cho anh Phạm Văn T, sinh năm 1990, ngụ Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với giá tiền là 150.000 đồng.

- Lần 3: Khoảng 17 giờ, một ngày trong tháng 5/2019, tại nhà B, T đưa ma túy cho B bán cho anh Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1993, ngụ Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh 01 bạch ma túy với giá tiền là 200.000 đồng.

- Lần 4: Vào khoảng 16 giờ ngày 06/6/2019, tại Ấp T, xã T, huyện T, B cùng với T bán 02 bạch ma túy cho anh B với giá tiền là 500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thanh T, Phạm Phước B và Phạm Thị Ngọc A thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Kết luận giám định số 857/KL-KTHS ngày 13/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận: Mẫu tinh thể rắn màu trắng bên trong 01 bạch nylon được hàn kín hai đầu (kí hiệu M1) gửi đến giám định là chất ma túy; là loại Methamphetamine; khối lượng 0,0323 gam.

Tại bản Cáo trạng số 116/CT-VKSTC ngày 04/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T và Phạm Phước B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b Khoản 2

Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Thị Ngọc A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phạm Phước B và Phạm Thị Ngọc A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đề nghị:

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 251; các Điểm r, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 08 năm tù đến 09 năm tù.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 251; các Điểm r, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Phước B từ 07 năm tù đến 08 năm tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc A từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phạm Phước B và Phạm Thị Ngọc A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định: Nguyễn Thanh T và Phạm Phước B 04 lần mua ma túy của người khác về sử dụng và bán cho nhiều người để kiếm lời. Từ tháng 05/2019 đến ngày 12/6/2019, tại địa bàn Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Thanh T có 14 lần; Phạm Phước B có 07

lần và Phạm Thị Ngọc A có 01 lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho Cao Nguyên B, Trương Tuấn A, Nguyễn Tuấn T, Phạm Văn T và Nguyễn Văn T. Lúc 14 giờ 30 phút, ngày 12/6/2019, khi Phạm Thị Ngọc A bán cho Cao Nguyên B, Trương Tuấn A 01 bịch ma túy với số tiền 300.000 đồng thì bị bắt quả tang cùng 0,0323 gam ma túy loại Methamphetamine. Sau đó, Nguyễn Tuấn T và Phạm Phước B ra đầu thú.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thanh T và Phạm Phước B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Thị Ngọc A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự như luận tội của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm Điều 3 của Luật phòng chống ma túy, trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn tại địa phương. Ma túy là hiểm họa của xã hội, làm lây lan các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, làm suy đồi, băng hoại một bộ phận dân cư, đặc biệt là thanh thiếu niên, gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển giống nòi dân tộc. Hiện nay, tệ nạn ma túy đang là vấn đề hết sức phức tạp, nhức nhối của xã hội, tiêu tốn nhiều tiền của, công sức của Nhà nước để giải quyết những hậu quả của tệ nạn này. Khi thực hiện tội phạm các bị cáo biết rõ việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của mình gây ra và cần xử lý nghiêm khắc.

[4] Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 03 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T, B tự thú các hành vi phạm tội trước đó nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm r Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có mẹ là Thanh niên xung phong; bị cáo B có ông Ngoại là Liệt sỹ; sau khi phạm tội hai bị cáo đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

Xét vai trò của từng bị cáo thấy rằng: Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó: Bị cáo T có nhân thân xấu, là người trực tiếp mua bán ma túy nhiều lần nhất nên chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. Bị cáo B cũng là người trực tiếp mua bán ma túy nhiều lần nhưng ít hơn bị cáo T nên chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo T. Bị cáo Ngọc A chỉ có một lần trực tiếp bán ma túy cho người khác nên chịu trách nhiệm hình sự thấp nhất.

Với hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử phạt tù, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tại phiên tòa: Bị cáo T thừa nhận số tiền mình bán ma túy cho nhiều người tổng cộng là 1.850.000 đã tiêu xài hết nên buộc bị cáo nộp lại số tiền này để sung vào Ngân sách nhà nước. Bị cáo B thừa nhận số tiền mình bán ma túy cho nhiều người tổng cộng là 600.000 đã tiêu xài hết nên buộc bị cáo nộp lại số tiền này để sung vào Ngân sách nhà nước. Các bị cáo T, B thừa nhận số tiền hai bị cáo cùng bán ma túy cho nhiều người tổng cộng là 1.050.000 đã tiêu xài hết nên buộc các bị cáo cùng nộp lại số tiền này để sung vào Ngân sách nhà nước, mỗi người nộp một nửa với số tiền 525.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo T phải nộp là 2.375.000 đồng; tổng số tiền bị cáo B phải nộp là 1.125.000 đồng.

- Đối với 05 bình ny lon được hàn kín 03 đầu; 07 quẹt gaz; 03 ống hút nhựa; 02 cây nhíp bằng kim loại; 01 cây khò lửa; 01 ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với điện thoại Samsung số imei 1: 5875/5 của bị cáo Ngọc A là công cụ phạm tội cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với điện thoại Vivo màu đen, số imei 1: 357434 của bị cáo T là công cụ phạm tội cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 card điện thoại di động Mobifone có số seri 077461-001-443-547 mệnh giá 20.000 đồng của bị cáo Ngọc A không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 360.000 đồng của bị cáo Ngọc A thì có 300.000 đồng là tiền bán ma túy cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước, trả lại cho bị cáo 60.000 đồng.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với người bán ma túy tên P chưa xác định được nhân thân, địa chỉ nên chưa làm việc được, khi nào xác định được, làm rõ xử lý sau.

[8] Đối với anh Võ Minh S chưa đủ cơ sở xác định anh là người cung cấp ma túy cho B và Ngọc A bán cho người khác sử dụng nên khi nào xác định được hành vi phạm tội sẽ tiến hành xử lý sau.

[9] Đối với Cao Nguyên B, Trương Tuấn A, Nguyễn Tuấn T, Phạm Văn T, Võ Minh S và Nguyễn Văn T có hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy đã chuyển Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây xử phạt mỗi người số tiền 750.000 đồng là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo T, B, Ngọc A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 251; các Điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”**, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12/6/2019.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Phước B 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”**, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12/6/2019.

2. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Phạm Thị Ngọc A 02 (hai) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/6/2019 đến ngày 18/6/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp số tiền là 2.375.000 (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng để sung vào Ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Phạm Phước B phải nộp số tiền là 1.125.000 (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng để sung vào Ngân sách nhà nước.

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước: Điện thoại Samsung số imei 1: 5875/5 của bị cáo Phạm Thị Ngọc A và điện thoại Vivo màu đen, số imei 1: 357434 của bị cáo Nguyễn Thanh T.

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 300.000 đồng thu của bị cáo Phạm Thị Ngọc A.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị Ngọc A số tiền 60.000 đồng và 01 card điện thoại di động Mobifone có số seri 077461-001-443-547 mệnh giá 20.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 05 bình ny lon được hàn kín 03 đầu; 07 quẹt gaz; 03 ống hút nhựa; 02 cây nhíp bằng kim loại; 01 cây khò lửa; 01 ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy.

(Vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/11/2019).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo **Nguyễn Thanh T , Phạm Phước B và Phạm Thị Ngọc A** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh B và anh Tuấn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- CCTHA-DS H. Tân Châu;
- CQĐT Công an H. Tân Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh – Phòng PV06;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- THA phạt tù;
- Lưu tập án, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Chung